TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thanh T, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày: Chị và anh Lê Đức T1 tìm hiểu được 06 tháng thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà chồng ở P. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do anh T1 nợ nần, ăn chơi, cờ bạc. Cuối năm 2022 anh T1 bị thua độ đá bóng, nợ nần, chị phải vay mượn nội ngoại để trả nợ. Ngoài cờ bạc anh T1 còn nhậu nhẹt, ăn chơi, không chăm lo cho con cái. Gia đình hai bên đã

khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị đưa con về nhà mẹ ruột sống từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Lê Đức B, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2021. Hiện con đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đức T1 không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1, giao con chung cho chị T nuôi, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Lê Đức T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Đức T1 đang cư trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, chỉ có chị T cung cấp tài liệu chứng cứ. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ này và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thanh T và anh Lê Đức T1 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị T, anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn vì lý do trong thời gian chung sống anh T1 ăn chơi,

cờ bạc và nợ nần. Vợ chồng chị không còn sống chung từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Chị T nộp đơn ly hôn, anh T1 không đến Tòa cũng như không đưa ra ý kiến gì để đoàn tụ mà bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Điều đó có thể chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn anh T1.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Lê Đức B, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2021. Chị T yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, thời gian vợ chồng không sống chung, con ở với chị T, có sự gắn bó, thân thiết với mẹ và chị T vẫn đảm bảo các điều kiện để cháu B được phát triển bình thường. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Lê Thanh T ly hôn anh Lê Đức T1.

2. Giao con chung là cháu Lê Đức B, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2021 cho chị Lê Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Đức T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Lê Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002835 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Lộc (Số 68/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên